

Số: 337 /TB-CCTHADS

Đắk Nông, ngày 02 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

1. Tên, địa chỉ tổ chức thẩm định giá được chọn: **CÔNG TY CỔ PHẦN THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ DỊCH VỤ TÀI SẢN TOÀN CẦU**. Địa chỉ trụ sở: 360 Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh. Chi nhánh Đắk Lắk: Số C22 đường Hoàng Văn Thái, tổ dân phố 5, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

2. Tổng số điểm của tổ chức thẩm định giá được chọn: **84** điểm.

3. Tổ chức thẩm định giá bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): Không.

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM

STT	NỘI DUNG	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC			CHI CHÚ
			TĐG TOÀN CẦU	TĐG1	TĐG2	
	TỔNG	100	84			
I	Năng lực pháp lý (tối đa 15 điểm)	15	13			
1	Là doanh nghiệp thẩm định giá được đăng ký hoạt động theo Luật doanh nghiệp và thuộc danh sách công bố của Bộ Tài chính đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá tài sản.	5	5			
2	Doanh nghiệp có thẩm định viên hành nghề tại doanh nghiệp, được doanh nghiệp đóng Bảo hiểm xã hội và được Bộ Tài chính thông báo đủ điều kiện hành nghề.	5	3			
3	Thời gian hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá.	5	5			
II	Năng lực kinh nghiệm (tối đa 60 điểm)	60	55			
1	Hồ sơ đã thẩm định giá trong thời hạn 06 tháng gần nhất tương tự với tài sản kê biên, đã phát hành báo cáo Thẩm định giá, chứng thư thẩm định giá.	15	13			
2	Mức độ tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực thẩm định giá.	10	10			
3	Thời gian cam kết báo cáo kết quả thẩm định giá, cấp chứng thư thẩm định giá.	5	3			

4	Thời gian cam kết giải trình khiếu nại, thắc mắc liên quan đến kết quả thẩm định giá.	10	10			
5	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động thẩm định giá.	10	9			
6	Kết quả đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá năm liền kề của doanh nghiệp thẩm định giá do Bộ Tài chính công bố.	10	10			
III	Năng lực tài chính	15	14			
1	Có biểu giá dịch vụ cố định được ban hành công khai trên Website của Công ty.	5	5			
2	Có cam kết về biểu phí thẩm định giá theo các tiêu chí dưới đây.	5	5			
3	Doanh thu bình quân từ dịch vụ Thẩm định giá của doanh nghiệp Thẩm định giá trên Báo cáo tài chính 03 năm gần nhất.	5	4			
IV	Tiêu chí khác (doanh nghiệp mới khởi nghiệp; vai trò đóng góp xã hội của doanh nghiệp; điều kiện đặc thù của địa phương).	10	2	0	0	

III. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐƯƠNG SỰ

Nơi nhận:

- Trang TTĐT Cục THADS (để đăng tải);
- Cổng TTĐT Tổng cục THADS (để đăng tải);
- Chi cục THADS (để niêm yết);
- Lưu: HSTHA.



CHẤP HÀNH VIÊN

Mạnh Hồng Sơn

BẢNG CHẤM ĐIỂM CÁC TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

(Theo Quyết định số 1079/QĐ-TCTHADS ngày 25/12/2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục THADS về việc ban hành Quy trình lựa chọn tổ chức thẩm định giá, đấu giá tài sản để thi hành án)

STT	NỘI DUNG	TIÊU CHÍ LỰA CHỌN	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC			CHI CHÚ
				TĐG Toàn Cầu	TĐG 2	TĐG 3	
1	2	3	4	5			6
	TỔNG		100	84			
I	Năng lực pháp lý (tối đa 15 điểm)		15	13			
1	Là doanh nghiệp thẩm định giá được đăng ký hoạt động theo Luật doanh nghiệp và thuộc danh sách công bố của Bộ Tài chính đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá tài sản.	Có 02 chi nhánh trở lên.	5	5			
		Chỉ có 01 chi nhánh.	4				
		Không có chi nhánh.	3				
2	Doanh nghiệp có thẩm định viên hành nghề tại doanh nghiệp, được doanh nghiệp đóng Bảo hiểm xã hội và được Bộ Tài chính thông báo đủ điều kiện hành nghề.	Trên 07 thẩm định viên.	5				
		Từ 05 - 07 thẩm định viên.	4				
		Dưới 05 thẩm định viên.	3	3			
3	Thời gian hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá.	Trên 05 năm.	5	5			
		Từ 03 - 05 năm.	5				
		Dưới 05 năm.	4				
II	Năng lực kinh nghiệm (tối đa 60 điểm)		60	55			
1	Hồ sơ đã thẩm định giá trong thời hạn 06 tháng gần nhất tương tự với tài sản kê biên, đã phát hành báo cáo Thẩm định giá, chứng thư thẩm định giá.	Trên 30 hồ sơ.	15				
		Từ 20 - 30 hồ sơ.	14				
		Dưới 20 hồ sơ.	13	13			
2	Mức độ tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực thẩm định giá.	<i>Không bị xử phạt vi phạm hành chính.</i>	10	10			
		Có kết luận vi phạm nhưng chưa đến mức bị xử phạt vi phạm hành chính.	9				
		nhưng đã chấp hành, khắc phục xong.	8				
		Đang trong thời hạn bị xử phạt vi phạm hành chính.	0				
3	Thời gian cam kết báo cáo kết quả thẩm định giá, cấp chứng thư thẩm định giá.	<i>kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá.</i>	5				
		kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá.	4				
		Trên 15 ngày, từ thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thẩm định giá.	3	3			
	Thời gian cam kết giải trình khiếu nại.	<i>Tối đa 03 ngày làm việc, tính từ khi nhận được yêu cầu giải trình.</i>	10	10			

4	thắc mắc liên quan đến kết quả thẩm định giá.	Trong thời gian 03 đến 05 ngày làm việc.	9				
		Trên 05 ngày làm việc.	8				
5	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động thẩm định giá.	Có hệ thống phần mềm quản lý giá đang hoạt động, có thể trích xuất dữ liệu.	10				
		Không có phần mềm nhưng có hệ thống quản lý tập trung cơ sở dữ liệu.	9	9			
		Không có phần mềm.	0				
6	Kết quả đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá năm liền kề của doanh nghiệp thẩm định giá do Bộ Tài chính công bố.	Từ 80 điểm trở lên.	10	10			
		Từ 70 đến dưới 80 điểm.	9				
		Từ 60 đến dưới 70 điểm.	8				
III	Năng lực tài chính		15	14			
1	Có biểu giá dịch vụ cố định được ban hành công khai trên Website của Công ty.		5	5			
2	Có cam kết về biểu phí thẩm định giá theo các tiêu chí dưới đây.	Thấp nhất trong số các hồ sơ đăng ký.	5	5			
		Thấp thứ 2.	4				
		Thấp thứ 3.	3				
		Thấp thứ 4.	2				
		Thấp thứ 5 trở đi.	1				
3	Doanh thu bình quân từ dịch vụ Thẩm định giá của doanh nghiệp Thẩm định giá trên Báo cáo tài chính 03 năm gần nhất.	Trên 5 tỷ/năm.	5				
		Từ 03- 05 tỷ/năm.	4	4			
		Từ 1-3 tỷ/năm.	3				
		Dưới 1 tỷ/năm.	2				
IV	Tiêu chí khác.		10	2			
1	Doanh nghiệp có hoạt động từ thiện trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.		5				
2	Doanh nghiệp có Trụ sở, hoặc Chi nhánh, Văn phòng đại diện trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.	Có Trụ sở.	5				
		Có Chi nhánh.	3				
		Có Văn phòng đại diện.	2	2			

Không Nô, ngày 02 tháng 6 năm 2025

Nơi nhận

- Chỉ Cục trưởng; (để b/c)
- Lưu: HSTHA.



CHẤP HÀNH VIÊN

Mạnh Hồng Sơn